



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CÀ MAU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3 - 4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Thủy Sản Cà Mau được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 613000035 ngày 21 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 01 năm 2008.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, Đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 đồng.

Theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là: Sản xuất, chế biến, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất các mặt hàng thủy hải sản và kinh doanh các loại hàng hóa và nông sản thực phẩm chế biến, hàng công nghiệp nhẹ, hàng thủ công mỹ nghệ, nguyên liệu vật tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và phương tiện vận tải.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Đức	Thành viên
Ông Ngô Kinh Lý	Thành viên
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên
Ông Huỳnh Nhật Vũ	Thành viên
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Bùi Nguyên Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Tàn Hoài	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

7. Cam kết của các chủ đầu tư

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, tổng nợ ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tài sản ngắn hạn là 166.876.751.667 đồng và lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu là 16.858.217.003 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Tập đoàn có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở hoạt động liên tục.

Cà Mau, ngày 27 tháng 03 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



BUI NGUYỄN KHÁNH



Số: 13.226/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 27 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 05 đến trang 32 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

Như được nêu tại mục 5.7 của thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tổng chi phí lãi vay phát sinh để góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy Sản An Phước là 10.244.917.121 đồng. Theo Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay" thì chi phí lãi vay phải được ghi nhận toàn bộ vào chi phí hoạt động năm 2009. Tuy nhiên, Tập đoàn quyết định phân bổ khoản lãi vay này trong vòng 5 năm kể từ năm 2010 khi dự án chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và giá trị phân bổ cho năm 2012 là 2.000.000.000 đồng. Cách thức phân bổ chi phí lãi vay này đã làm cho chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 tăng lên 4.244.917.121 đồng, đồng thời làm cho chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2012 giảm 2.000.000.000 đồng.

(Phần tiếp theo trang 4)



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề sau: Như được trình bày tại mục 4.14 của thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, tổng nợ ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tài sản ngắn hạn là 166.876.751.667 đồng và lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu là 16.858.217.003 đồng. Vấn đề này đã làm phát sinh mối quan tâm về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Tập đoàn có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Theo kế hoạch kinh doanh năm 2013 của Tập đoàn đã lập để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt vào Đại hội đồng cổ đông năm 2013 thì hoạt động sản xuất kinh doanh năm sẽ có khoản lãi trước thuế trong năm 2013 là 10.700.000.000 đồng và Công ty có đủ nguồn tiền để đáp ứng các khoản nợ phải trả trong năm 2013. Do vậy, báo cáo tài chính này không phản ánh bất kỳ khoản điều chỉnh nào có thể phát sinh từ kết quả của sự việc không chắc chắn nêu trên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2013

**KT, TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ NGỌC BẢO

Chứng chỉ KTV số 2136/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		177.297.099.623	207.705.261.744
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	941.311.713	6.777.236.151
1. Tiền	111		941.311.713	6.777.236.151
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	14.090.796.534	45.148.660.540
1. Phải thu khách hàng	131		13.972.216.577	44.729.397.175
2. Trả trước cho người bán	132		364.950.774	886.628.758
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		508.610.938	287.616.362
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(754.981.755)	(754.981.755)
IV. Hàng tồn kho	140		159.544.377.911	151.570.308.455
1. Hàng tồn kho	141	5.3	159.544.377.911	151.570.308.455
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.720.613.465	4.209.056.598
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		333.396.001	606.658.419
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.200.535.664	3.362.055.591
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			129.227.788
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		186.681.800	111.114.800

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		241.779.573.307	258.697.279.770
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		233.974.184.764	247.031.798.514
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	219.781.320.583	234.887.268.123
+ Nguyên giá	222		294.845.338.944	294.715.987.475
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.064.018.361)	(59.828.719.352)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	14.146.591.281	12.102.530.391
+ Nguyên giá	228		14.755.567.319	14.755.567.319
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(608.976.038)	(2.653.036.928)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		46.272.900	42.000.000
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.6		
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.805.388.543	11.665.481.256
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	6.758.498.118	10.617.936.996
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.046.890.425	1.047.544.260
V. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		419.076.672.930	466.402.541.514

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		431.785.467.550	426.981.856.171
I. Nợ ngắn hạn	310		344.173.851.290	337.356.853.351
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	268.194.475.979	304.367.536.746
2. Phải trả người bán	312	5.9	34.421.356.046	17.434.189.003
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	745.089.465	620.000.001
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	262.481.467	266.863.406
5. Phải trả người lao động	315		5.177.731.235	5.111.634.001
6. Chi phí phải trả	316	5.11	28.803.166.863	3.758.580.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	5.532.356.439	4.380.586.547
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.13	1.037.193.796	1.417.463.647
II. Nợ dài hạn	330		87.611.616.260	89.625.002.820
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.120.000.000	1.120.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	86.491.616.260	88.235.616.260
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336			269.386.560
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(16.858.217.603)	30.046.147.349
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	(16.858.217.603)	30.046.147.349
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.485.790.000	97.485.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.020.472.000	33.020.472.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(18.676.666.000)	(18.676.666.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		306.080.111	306.582.783
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(128.993.893.714)	(82.090.031.434)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		4.149.422.983	9.374.537.994
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		419.076.672.930	466.402.541.514

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		14.513,54	191.464,80
+ EUR		259,76	263,89
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG

Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2013



TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI NGUYỄN KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		574.033.589.434	739.957.956.974
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.121.352.677	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	565.912.236.757	739.957.956.974
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	517.172.043.987	667.707.163.608
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.740.192.770	72.250.793.366
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.393.096.276	18.501.252.235
7.	Chi phí tài chính	22	6.4	62.534.594.837	66.010.052.592
	<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		62.285.578.262	61.321.244.956
8.	Chi phí bán hàng	24	6.5	23.560.268.978	25.790.256.563
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	22.812.816.227	27.015.479.780
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(57.774.390.996)	(28.063.743.334)
11.	Thu nhập khác	31	6.7	3.671.696.953	4.317.546.868
12.	Chi phí khác	32		404.061.391	901.209.356
13.	Lợi nhuận khác	40		3.267.635.562	3.416.337.512
14.	Phần lỗ trong công ty liên doanh	50			(22.749.237.813)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(54.506.755.434)	(47.396.643.635)
16.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	61			328.945.494
16.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			25.194.728
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(54.506.755.434)	(47.750.783.857)
17.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(5.668.051.932)	(4.312.309.537)
17.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		(48.838.703.502)	(43.438.474.320)
18.	Lỗ cơ bản trên cổ phần của công ty mẹ	80	5.15	(5.340)	(4.750)

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG

Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI NGUYỄN KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(54.506.755.434)	(47.396.643.635)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		15.796.863.203	18.872.982.028
Các khoản dự phòng	03			(35.692.048)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(20.879.460)	577.603.557
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(682.600.207)	21.590.171.251
Chi phí lãi vay	06		62.285.578.262	61.321.244.956
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22.872.206.364	54.929.666.109
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		33.555.562.950	5.371.019.731
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.974.069.456)	(44.111.708.953)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		19.074.937.301	(10.938.763.242)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		4.132.701.296	3.401.851.318
Tiền lãi vay đã trả	13		(38.062.016.856)	(58.740.200.656)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			(628.918.055)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		592.000.000	2.333.324.800
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.202.041.199)	(1.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		32.989.280.400	(50.083.728.948)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.219.763.146)	(2.023.579.854)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			568.191.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị kt	23			(7.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			12.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		682.600.207	975.984.714
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(537.162.939)	4.820.596.587

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		996.438.814.152	1.301.363.122.147
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.034.802.257.350)	(1.251.715.115.291)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.363.443.198)	49.648.006.856
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.911.325.737)	4.384.874.495
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.777.236.151	2.478.635.313
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		75.401.299	(86.273.657)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		941.311.713	6.777.236.151

Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

BUI NGUYỄN KHÁNH